

MẪU CBTT-02

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2007

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 9**
- Tên giao dịch quốc tế **VNECO 9 Electricity Construction Joinstock Company**
- Tên viết tắt: **VNECO9**
- Mã chứng khoán: **VE9**
- Vốn điều lệ: **31.000.000.000 đồng** (*Ba mươi một tỷ đồng*)
- Địa chỉ trụ sở chính: **06 Hùng Vương, P.Lộc Thọ, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.**
- Điện thoại: **84-58-525404; 525405; 525886** - Fax: **84-58-522394**
- E-mail: info@vneco9.com
- Website: www.vneco9.com
- Ngành nghề kinh doanh: Xây lắp các công trình lưới điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi. Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị. Tư vấn thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, massage và các dịch vụ khác. Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, nội địa và du lịch đường thủy, đường bộ.
- Vốn điều lệ: **31.000.000.000 đồng** (*Ba mươi một tỷ đồng*)

I/ Lịch sử hoạt động của Công ty ::

1. Những sự kiện quan trọng ::

Tiền thân của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 là Công ty xây lắp điện 3.9 trực thuộc Công ty xây lắp điện 3. Vốn chủ sở hữu là 4,1 tỷ.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá, Ngày 06/12/2004 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN ngày 06/12/2004 về việc chuyển Công ty xây lắp điện 3.9 thành Công ty cổ phần xây lắp điện 3.9 được thành lập theo Quyết định số 160/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Công ty xây lắp điện 3.9 sang Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **3703000127** do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 31/12/2004 với số vốn điều lệ là 4.100.000.000 đồng.

Tại Ngày 24/01/2006 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006 đã quyết định đổi tên Công ty cổ phần xây lắp điện 3.9 thành Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO 9 và tăng - Vốn điều lệ là lên 14,5 tỷ đồng.

Ngày 20/11/2007, Đến Quý 4/2007 Công ty đã phát hành thành công cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 207/UBCK-GCNNN của Chủ tịch UBCKNN tăng nâng vốn điều lệ của Công ty lên 31 tỷ đồng

Ngày 23/01/2008 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu của Công ty được niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 06/GCN-TTGDCKHN.

Ngày 23/01/2008 cổ phiếu của Công ty với Mã chứng khoán VE9 chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Quá trình phát triển ::

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Năm 2004 ngành nghề kinh doanh chủ yếu là xây lắp các công trình lưới điện có cấp điện áp đến 500kV và xây lắp các trạm biến áp có cấp điện áp đến 220kV, đến nay ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được đa dạng hoá và đã khẳng định năng lực và ưu thế kinh doanh của mình với các ngành nghề có tiềm năng kinh tế lớn:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV và các công trình nguồn điện;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thuỷ lợi;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới;
- Tư vấn thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ kèm theo;
- Vận chuyển hành khách du lịch đường thuỷ, đường bộ; Vận tải hàng hoá;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ massage và các dịch vụ du lịch khác.

2.2. Tình hình hoạt động:

Qua hơn 123 năm hoạt động kể từ khi được cổ phần hoá, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 9 không ngừng phát triển cả về chiều rộng và đầu tư chiều sâu trên các lĩnh vực kinh doanh với giá trị sản lượng và doanh thu hàng năm tăng bình quân trên 15%, Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân trên 37%, Lãi cơ bản trên cổ phiếu luôn ở trên mức 2.450 đồng trên 01 cổ phiếu. Thị phần xây lắp điện ngày càng được mở rộng, Công ty ngày càng được chiếm được lòng tin của khách hàng. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, đặc biệt là với ngành nghề kinh doanh khách sạn, Công ty luôn có những hợp đồng cung cấp dịch vụ có giá trị lớn với các đơn vị du lịch lữ hành trong và ngoài nước, kinh doanh khách sạn công suất phòng của khách sạn luôn đạt từ 67 % - 85,5% / năm, . Đội ngũ lao động có năng lực và tâm huyết với công việc nghề,

Công ty đã có những chủ trương, chính sách tuyển dụng lao động phù hợp với sự phát triển của Công ty. Đến nay Công ty đã có ; Tổng số lao động là 268 người, trong đó có 35 người có trình độ đại học, và 50 lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp và trên 150 công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo đủ đáp ứng nhu cầu nhân lực hiện tại.

Đối với lĩnh vực đầu tư: Công ty đã đầu tư thành công vào việc mua lại Dự án Khách sạn Nha Trang mà hiện nay dự án này đã và đang hoạt động rất có hiệu quả. Hiện nay Công ty cũng đã và đang trong quá trình tập trung đầu tư kinh doanh vào lĩnh vực dịch vụ khách sạn, nhà hàng, sản xuất điện năng các dự án thủy điện có công suất vừa và nhỏ, dự án đầu tư mới và phát triển các khu du lịch, bên cạnh việc phát huy thế mạnh và là ngành nghề truyền thống của Công ty là xây lắp các công trình truyền tải điện và trạm biến áp cao thế có cấp điện áp đến 500kV. Ngoài ra, Công ty vẫn không ngừng

nâng cao năng lực xây dựng và lắp đặt các công trình có kết cấu phức tạp như nhà máy nhiệt điện, thủy điện. mở rộng đầu tư vào dự án xây dựng và kinh doanh khách sạn.

3. Định hướng phát triển

Mục tiêu và chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Chiến lược phát triển của Công ty là: Đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh trên cơ sở phát huy thế mạnh truyền thống là xây dựng điện và lợi thế kinh doanh du lịch - dịch vụ của thành phố Nha Trang. Mở rộng quy mô và đầu tư chiều sâu cho lĩnh vực xây dựng điện. Đẩy mạnh đầu tư các khu du lịch nghỉ dưỡng, đưa loại hình kinh doanh này trở thành một loại hình kinh doanh nòng cốt của Công ty. Tăng dần tỷ trọng doanh thu kinh doanh du lịch, khách sạn trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.

Mục tiêu của Công ty: phấn đấu đến năm 2010 trở thành một doanh nghiệp mạnh, đủ sức cạnh tranh trong lĩnh vực xây dựng điện, có sản phẩm dịch vụ du lịch chất lượng cao đáp ứng thị trường du lịch ngày càng phát triển.

Xây dựng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đa ngành nghề trên cơ sở phát huy thế mạnh truyền thống là xây dựng điện và lợi thế kinh doanh dịch vụ du lịch. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng về doanh thu bình quân 15%/năm (đã loại trừ các yếu tố tăng giá và chưa tính đến yếu tố khi đưa vào khai thác kinh doanh các công trình đầu tư mới xây dựng xong).

Tập trung phát triển mạnh về đầu tư kinh doanh lĩnh vực dịch vụ du lịch, tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ trong cơ cấu doanh thu của công ty dần đến 60%. Bên cạnh đó chú trọng phát triển về sản xuất điện năng và kinh doanh địa ốc. Tập trung đầu tư chiều sâu vào thiết bị và con người trong lĩnh vực xây dựng điện, phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về xây dựng điện.

Hoàn chỉnh hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn tiên tiến, ứng dụng tối đa công cụ công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành

Xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính.

Hoạch định nguồn nhân lực toàn Công ty như: Có chính sách thu hút đãi ngộ lao động, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc (đầu tư thêm các thiết bị thí nghiệm hiện đại, các thiết bị tự động...) nhằm hỗ trợ công việc đạt hiệu quả cao; Cơ chế trả lương, thưởng, thu nhập tiên tiến, phù hợp đảm bảo kích thích sự sáng tạo và cải tiến trong công việc. Trong xu thế ngày càng cạnh tranh về nguồn nhân lực - đặc biệt là lao động có năng lực và lao động có tay nghề cao - ngoài chính sách đãi ngộ và thu hút Công ty phải đầu tư nhiều hơn cho công tác đào tạo trong đó chú trọng nguồn nhân lực trẻ.

Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, tiến tới áp dụng thêm hệ thống quản lý về môi trường ISO 14000.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm ::

Lợi nhuận sau thuế từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 đảm bảo chi trả cổ tức và trích lập các quỹ, đặc biệt là quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh.

Tài chính Công ty năm 2007 thuận lợi, công tác thanh toán cho các khách hàng đầy đủ và đúng thời hạn, thanh toán lương và các khoản khác cho người lao động trong công ty, các khoản bảo hiểm, nộp thuế cho Nhà Nước đủ và đúng hạn. Công tác thu hồi công nợ được Công ty chú ý và thực hiện ráo riết, hầu hết các công trình đều được ứng từ 10 % đến 20% và các khoản thanh toán công trình

được Chủ đầu tư thực hiện đúng hạn, tuy nhiên công trình thanh toán bằng nguồn vốn WB việc giải ngân còn chậm (Công ty chỉ có công trình 220kV Hàm Thuận-Phân Thiết). Các khách hàng trong mảng dịch vụ luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

Lợi nhuận năm 2007 công ty thực hiện đạt được kế hoạch.

Công ty đã phát hành và chào bán thành công ra công chúng 1.450.000 cổ phiếu, phát hành và chào bán theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty 55.000 cổ phiếu, phát hành 145.000 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu. Việc phát hành và chào bán cổ phiếu của Công ty năm 2007 đã được Công ty thực hiện tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng các quy định của Luật chứng khoán, thu về phát hành và chào bán thành công trong một thời gian rất ngắn (ngày 5/11/2007 được cấp giấy phép , ngày 20/11/2007 Công ty đã chào bán thành công).cho ngân sách Công ty 16.775.000.000 đồng, trong đó có 275.000.000 đồng từ thặng dư phát hành, đảm bảo được các cam kết tham gia góp vốn đầu tư dài hạn vào Công ty con và Công ty liên kết.

Việc thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội đã tạo cho cổ phiếu của Công ty có tính thanh khoản cao và giao dịch rộng rãi trên thị trường chứng khoán.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận chủ yếu so với KHNăm 2006:

Đơn vị tính: 1000 đồng

VND

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH Năm 2006	THỰC HIỆN Năm 2007	Tỷ lệ% THỰC HIỆN
- Doanh thu	46.067.790.885	53.296.153.947	115,69%
- Tổng chi phí Trong đó: + CP quản lý + KH TSCĐ			
- Lợi nhuận trước thuế	4.330.391.519	5.915.198.900	136.60%
- Nộp ngân sách	1.197.669.625	1.645.895.692	137,42%
- Thu nhập người lao động			
- Lợi nhuận sau thuế	3.132.721.894	4.269.303.208	136,28%
- Thu nhập ròng / Cổ phiếu	2.452	2.476	100,98%
- Cổ tức / Cổ phiếu			

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 18/05/2007, Công ty đã liên kết cùng với Công ty Cp XNK thủy sản Nha Trang có trụ sở tại số 44 Nguyễn Thị Minh Khai thành lập Công ty Cp Du lịch Xanh Nha Trang có vốn điều lệ là 40 tỷ đồng VN, trong đó Vneco9 thực hiện có vốn góp 75% VDL. Công ty Cp Du lịch Xanh Nha Trang đầu tư xây dựng khách sạn cao 14 tầng (có tầng hầm) trên khu đất rộng 1.294,27 m² kinh doanh 126 phòng ngủ, 3 hội trường, 4 nhà hàng với các loại hình dịch vụ đầy đủ, đủ đáp ứng tiêu chuẩn 4 sao tại địa chỉ 44 Nguyễn Thị Minh Khai TP Nha Trang. Đến nay UBND tỉnh Khánh Hoà đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư với ưu đãi là miễn tiền thuê đất trong hai năm đầu xây dựng công trình và thuế nhập khẩu thiết bị sử dụng cho công trình, đã cấp QĐ giao đất và ký kết hợp đồng cho thuê đất với thời hạn 40 năm, giá thuê là 49.219 đồng/m²/năm. Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nha Trang đã hợp đồng phá dỡ công trình cũ để khởi công công trình.

Công ty Vneco 9 đã thực hiện góp vốn 15 tỷ VNĐ cho Công ty Cp Du lịch Xanh Nha Trang.

Công ty đã liên kết cùng với Tổng công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam và Công ty cổ phần điện lực Khánh Hoà để thành lập Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chò có vốn điều lệ là 40 tỷ VNĐ trong đó Vneco 9 thực hiện có vốn sẽ góp vốn là 3030%. Đến nay Công ty cổ phần thủy điện Sông Chò đã hoạt động tốt tại địa chỉ 12A Yersin phường Vạn Thạnh TP Nha Trang - Khánh Hoà. Hồ sơ thiết kế công trình đã xong, đang điều chỉnh lại tổng dự toán và chuẩn bị khởi công công trình.

Công ty Vneco 9 đã thực hiện góp vốn 200 triệu VNĐ cho Công ty Cp Thủy điện Sông Chò.

Ngày 05/11/2007 UBCK Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Vneco9 và ngày 20/11/2007 Công ty đã phát hành và chào bán thành công 1.650.000 cổ phiếu cho các NĐT.

Ngày 11/01/2008 Trung Tâm GDCK Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Vneco9 với mã chứng khoán là VE9. Ngày 23/01/2008 cổ phiếu Ve9 giao dịch ngày đầu tiên.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Đối với Công ty cổ phần Xây dựng điện Vneco 9 tiếp tục thực hiện theo chiến lược kinh doanh đã được hoạch định. Lĩnh vực xây dựng điện: Củng cố và phát triển hơn nữa trong việc quảng bá thương hiệu xây lắp điện ở địa bàn Miền Nam và Nam miền Trung bằng chất lượng - tiến độ bàn giao công trình với các Chủ đầu tư. Dịch vụ du lịch: Tăng cường thêm cơ sở lưu trú và thêm nhiều dịch vụ du lịch khác với đẳng cấp và chất lượng cao hơn đòi hỏi đáp ứng ngày càng cao của thị trường du lịch Nha Trang - Khánh Hoà, xem xét và chuẩn bị cơ sở để đầu tư phát triển ra địa bàn tỉnh Bình Thuận và tỉnh Đaklak.

Khảo sát và hoàn chỉnh thiết kế để tiếp tục đầu tư thủy điện Sông Chò 1, Sông Chò 3 và nghiên cứu đầu tư xây dựng thủy điện ở các địa bàn khác. Thị trường xây lắp:

- Giữ vững và mở rộng thị phần xây lắp ở khu vực phía Nam,
- Tích cực tham gia vào thị trường xây lắp ở khu vực phía Bắc;
- Tham gia các gói thầu của các dự án xây dựng thủy điện trong khu vực, trước mắt sẽ nhận thầu thi công khối lượng xây lắp của Nhà máy thủy điện Sông Chò 2 theo cơ chế chỉ định thầu của Công ty cổ phần thủy điện Sông Chò.

Đối với lĩnh vực đầu tư:

- Thực hiện đầu tư vào các dự án thủy điện vừa và nhỏ khu vực miền Trung. Phân đầu đến năm 2010 đưa Nhà máy thủy điện Sông Chò 2 đi vào hoạt động.

- Tích cực triển khai Dự án Khách sạn 4 sao tại 44 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, phân đầu đưa vào vận hành vào cuối quý 4 năm 2009.

Tích cực nghiên cứu, tìm hiểu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để phát triển các dự án mới, trước mắt là các dự án thủy điện khu vực Sông Chò.

Về cơ cấu vốn:

- Nâng vốn điều lệ lên 56 tỷ trong năm 2008 và 81 tỷ trong năm 2009, đảm bảo thực hiện các dự án trước mắt;
- Đảm bảo cơ cấu nợ với vốn chủ một cách hợp lý, sử dụng đòn bẩy tài chính một cách có hiệu quả trong việc sử dụng vốn.

III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc :

1- Báo cáo tình hình tài chính

-- Khả năng sinh lời:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	4,63%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	8,01%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu:	11,65%

- Khả năng thanh toán:

+ Khả năng thanh toán nhanh:	0,72 lần
+ Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản NH/Nợ NH):	0,98 lần

- Các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

+ Tài sản cố định/Tổng tài sản:	37,68%
+ Tài sản lưu động/Tổng tài sản:	45,71%
+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn:	60,19%
+ Nguồn vốn chủ/Tổng nguồn vốn:	39,81%

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007 phản ánh một số chỉ tiêu về khả năng sinh lời và khả năng thanh toán như sau:

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2006	Năm 2007	So sánh
Khả năng thanh toán				
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.39	1.66	+0.27
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.25	0.98	- 0.27
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.71	0.72	+0.01
Tỷ suất sinh lời				

1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	9.40	11.09	+1.69
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	6.80	8.20	+1.40
2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6.45	6.42	-0.03
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4.67	4.63	-0.04
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	16.65	11.63	-5.02

- Các chỉ số thanh toán cho thấy tổng quát tình hình tài chính của Công ty là rất tốt, có độ an toàn tương đối, đảm bảo được khả năng thanh toán hiện hành (*tài sản có giá trị gấp 1,6 lần các khoản nợ*). Tuy nhiên chỉ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 0,98 lần cho thấy khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty vẫn đáp ứng đủ 98% khả năng thanh toán nợ.

Riêng chỉ số khả năng thanh toán nhanh thấp, chỉ đạt 0,72 lần. Điều này một mặt, phản ánh Công ty chỉ có khả năng trả trên 70% các khoản nợ ngay bằng tiền cùng một lúc tất cả các khoản nợ đáo hạn vào thời điểm cuối năm, nhưng mặt khác lại phản ánh khả năng sử dụng vốn khá linh hoạt của Công ty, không để tiền tồn quỹ, tiền gửi cao, đồng thời khai thác được các khoản ứng trước, trả tiền trước của khách hàng.

Tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007 của Công ty thể hiện rõ trong các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời. Nếu như trong năm 2006, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu là 9,40% thì năm 2007 đã tăng lên 1,69% với tỷ suất đạt được là 11,09%. Do trong năm 2006, Công ty được miễn giảm thuế TNDN và sang năm 2007 Công ty phải thực hiện nộp nghĩa vụ thuế TNDN 50%, nên mức độ tăng của chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận sau thuế năm 2007 thấp hơn một ít so với chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế. Vì vậy, năm 2007 tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt được là 8,20%, tăng 1,4% so năm 2006. Điều này cho thấy hoạt động của Công ty trong năm 2007 có hiệu quả hơn so với năm 2006.

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế trên tổng tài sản năm 2007 giảm hơn so năm 2006 tương ứng là 0,03% và 0,04%, nghĩa là suất sinh lời của tài sản năm 2007 kém hơn năm 2006, chủ yếu là do trong năm 2007, Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty con, (+15,18 tỷ đồng so với đầu năm) đang trong quá trình đầu tư dự án xây dựng khách sạn Xanh 2 (tiêu chuẩn 4 sao).

Đối với chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu, do trong quý IV năm 2007, Công ty có tăng vốn điều lệ lên gấp 2 lần để tài trợ vốn cho dự án đầu tư xây dựng Khách sạn 4 sao tại 44 Nguyễn Thị Minh Khai - Tp Nha Trang, vì vậy chỉ tiêu này giảm 5,02% so năm 2006, đạt ở mức 11,63%, nghĩa là cứ 1 đồng vốn chủ sở hữu, Công ty tạo ra được 0,11 đồng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong năm 2007.

-Phân tích những biến động - những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động

Trong năm 2007, Công ty không có biến động hoặc những thay đổi lớn so với dự kiến. Vì vậy Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận.

-Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo :

I	Tài sản ngắn hạn	42.148.538.903
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.841.690.912
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	26.383.974.000
4	Hàng tồn kho	11.243.279.545
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.679.594.446
II	Tài sản dài hạn	50.057.605.647
1	Các khoản phải thu dài hạn	
2	Tài sản cố định	34.748.253.442
	- TSCĐ hữu hình	16.554.103.442
	- TSCĐ thuê tài chính	
	- TSCĐ vô hình	18.194.150.000
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	
3	Bất động sản đầu tư	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.212.196.800
5	Tài sản dài hạn khác	97.155.405
III	Tổng cộng tài sản	92.206.144.550
IV	Nợ phải trả	55.501.828.513
1	Nợ ngắn hạn	42.946.813.789
2	Nợ dài hạn	12.555.014.724
V	Vốn chủ sở hữu	36.704.316.037
1	Vốn chủ sở hữu	36.641.797.950
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	275.000.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	
	- Cổ phiếu quỹ	

	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
	- Các quỹ	1.192.860.447
	- Lợi nhuận chưa phân phối	4.173.937.503
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	62.518.087
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	62.518.087
	- Nguồn kinh phí	
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	
VI	Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	92.206.144.550

-

(Xem phụ lục Báo cáo tài chính đã kiểm toán đính kèm)

- Những thay đổi về vốn cổ đông :

+ Vốn điều lệ đầu năm 2007: 14.459.600.000 đồng.

+ Tăng 1.654.040 cổ phiếu so với đầu kỳ. Vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2007 là : 31 tỷ đồng .Vốn điều lệ tăng từ việc phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng, phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn đầu tư phát triển: 16.540.000.000 đồng.

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 3.100.000 Cổ phiếu phổ thông .

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :: 3.100.000 cổ phiếu phổ thông.

- Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn :: 18 % /năm/VĐL bình quân 14,5%, trong đó tạm ứng đợt 1 là 8%, dự kiến chi trả đợt 2 sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2008 là 6,5%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2007

- Các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận trước và sau thuế, lãi cơ bản trên cổ phiếu đều đạt và vượt so với dự tính;

- So với năm 2006, lợi nhuận trước thuế tăng 36,6% trong khi doanh thu chỉ tăng 15%. Có được kết quả này là do Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số biện pháp điều hành và quản lý sản xuất phù hợp với tình hình thực tế diễn ra trong năm như:

-Doanh thu toàn Công ty 53.296.153.947 đồng tăng 1,15% so với năm 2006. Trong đó doanh thu xây lắp điện đạt 42.150.395.818 đồng và tăng 12,6% so với năm 2006. Sản phẩm dịch vụ Khách sạn đạt 11.121.552.129 đồng, tăng 29,2% so với năm 2006. Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty:

5.915.198.900 đồng, tăng 36,6% so với năm 2006. Nộp ngân sách nhà nước vượt 33,6% KH năm và tăng 111,4% so với năm 2006. Cổ tức đạt 6,5%/năm.

- Năm 2007 doanh thu xây lắp tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước đã thể hiện năng lực xây lắp của Công ty ngày càng được nâng cao. Dịch vụ kinh doanh khách sạn nhà hàng với doanh thu tăng 29,2% chứng tỏ giá trị sản phẩm của Công ty đang từng bước được nâng lên, thị trường đang từng bước được mở rộng các loại hình du lịch và tăng trưởng

- Trong năm qua sự biến động về giá cả nguyên vật liệu tăng cao cũng đã ảnh hưởng một phần tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng đã khắc phục được một phần bằng các biện pháp như: + Tăng số lượng và khối lượng thực hiện của các nhà thầu phụ và các đối tượng thuê ngoài khác đi cùng với việc tiết giảm chi phí thuê một cách hợp lý;

+ Tiết giảm chi phí sản xuất chung khác;

+ Dự báo giá nguyên vật liệu chủ động và kịp thời, thực hiện công tác chuẩn bị và dự trữ phù hợp, đáp ứng đủ cho các công trình xây lắp;

+ Thực hiện chính sách trả công cũng như bố trí lao động hợp lý, đẩy nhanh tiến độ thi công và tiến độ thu hồi vốn, rút ngắn thời gian trả nợ vốn vay ngân hàng;

+ Cập nhật kịp thời giá cả cho thuê dịch vụ, xây dựng thang giá phù hợp theo từng giai đoạn;

+ Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý khác.

+ Các công trình xây dựng điện đều được tạm ứng trước từ 10-20% giá trị hợp đồng. Số tiền này sẽ được sử dụng để đặt cọc mua một số vật tư có chiều hướng tăng giá. Tuy nhiên đối với những vật liệu tăng đột biến lên 100% đến 300% mà không có sự trợ giá của nhà nước thì sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận. Công ty sẽ làm việc với Chủ đầu tư để điều chỉnh giá, nếu không được chấp nhận Công ty sẽ từ chối thực hiện hợp đồng theo luật định.

+ Do nhu cầu phụ tải ngày càng lớn, các công trình xây dựng điện vẫn được triển khai nhiều. Năng lực xây dựng điện của Công ty ngày càng nâng cao đã tạo được uy tín trên thị trường.

+ Các hợp đồng đối với dịch vụ du lịch, khách sạn đều được thực hiện vào đầu năm kế hoạch, giá hợp đồng đã bao gồm dự trừ chi phí trượt giá.

3- Những tiến bộ Công ty đã đạt được ::

*** Những cải tiến về cơ cấu tổ chức:**

- Chuyển một số phòng nghiệp vụ đồng thời tăng cường số lượng cán bộ chuyên môn vào Văn phòng của Công ty tại Sài Gòn, đạt yêu cầu chung là số cán bộ này giỏi về chuyên môn và sát với thực tế.

- Giám đốc Công ty đã bổ nhiệm đại diện Lãnh đạo và thành lập Ban ISO để triển khai xây dựng và giám sát hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn ISO 9001: 2000.

- Phân công chỉ đạo và điều hành theo nghiệp vụ chuyên môn.

- Phân định công tác nghiệp vụ và công tác quản trị.

- Bổ nhiệm các chức danh Phó Giám đốc nghiệp vụ.

*** Những cải tiến về chính sách, quản lý:**

- Công ty đã xây dựng được duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 trong tất cả các khâu sản xuất, kinh doanh.

- Áp dụng quy chế trả lương theo tỷ lệ giữa doanh thu đạt được và chi phí thực hiện cho khối kinh doanh dịch vụ; Cải tiến công tác thanh toán tiền lương đối với các đơn vị xây lắp trực tiếp, hướng tới việc rút ngắn thời gian thanh toán lương theo tháng, nửa tháng, tuần. tiền lương, thưởng tiên tiến; thực hiện thưởng từng quý cho những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ; thưởng đột xuất cho những cá nhân có những sáng kiến, cải tiến trong kỹ thuật, quản lý và những cá nhân có tinh thần tự giác trung thực trong nghiệp vụ khách sạn ... mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

- Áp dụng chính sách thưởng kịp thời đối với các đơn vị, cá nhân có những sáng kiến cải tiến trong sản xuất kinh doanh.

- Thưởng định kỳ thông qua các báo cáo hoạt động tháng, quý của các đơn vị sản xuất.

- Quản lý theo kế hoạch; theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành và thực hiện rà soát, điều chỉnh định mức trong thời gian 06 tháng, 01 năm.

- Phân định trách nhiệm và quyền hạn của các Phó Giám đốc nghiệp vụ.

** Các biện pháp kiểm soát các hoạt động của Công ty:*

- Thông qua các báo cáo quyết toán tháng, quý.

- Báo cáo của các Phó Giám đốc, Phòng nghiệp vụ.

- Báo cáo nhanh hàng tuần.

- Kiểm tra cơ sở và các cuộc họp giao ban định kỳ.

- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống, quy chế Kiểm soát nội bộ.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Nâng cấp khách sạn 3 sao tại số 06 đường Hùng Vương hiện nay thành khách sạn 4 sao với qui mô 120 phòng và các dịch vụ kèm theo nằm trong Tổ hợp của khách sạn Xanh Nha Trang;

Do nhu cầu điện năng phục vụ cho nền kinh tế tăng cao, rất cần phát triển nhiều công trình nguồn và lưới truyền tải điện. Các công trình xây dựng điện triển khai ngày càng nhiều do nhu cầu phụ tải ngày càng lớn. Mặt khác Vneco 9 là đơn vị xây dựng điện chuyên nghiệp đã có một quá trình lâu dài hoạt động xây lắp điện trên địa bàn cả nước và tập trung nhiều ở địa bàn Nam miền trung và Miền Nam, thương hiệu Vneco 9 đã được khẳng định. Đó là những nhân tố thuận lợi cho Công ty đẩy mạnh vào thị trường xây dựng điện trên cơ sở đầu tư hơn nữa thiết bị để tăng năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm, tăng cường đầu tư thiết bị kiểm tra, kiểm định để kiểm soát nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm bên cạnh việc huấn luyện tay nghề, chuyên môn, tăng cường giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động kèm với biện pháp thưởng phạt nghiêm minh.

Đóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà, địa danh du lịch nổi tiếng cả nước và thế giới. Du lịch biển đang là ưu tiên của du khách, trong khi Vịnh Nha Trang là vịnh đẹp của thế giới. Chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hoà là ưu tiên phát triển du lịch, đã và đang triển khai nhiều dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch để đón nhiều sự kiện lớn, Tỉnh Khánh Hoà đang quyết tâm xây dựng Nha Trang-Khánh Hoà thành một điểm đến du lịch nổi tiếng của cả nước và thế giới. Dòng

du khách Quốc tế và nội địa đến Nha Trang mỗi năm đều tăng trên 35% và sẽ “bùng nổ” vào những năm tới. Vneco9 là doanh nghiệp tuy mới hoạt động dịch vụ khách sạn du lịch trong 5 năm gần đây nhưng đã nhanh chóng khẳng định thương hiệu. “Xanh – Nha Trang” đã trở nên quen thuộc của nhiều du khách khi có dịp ghé qua hoặc có một chuyến du lịch đến Nha Trang. Phát huy các thế mạnh của Vneco 9 và khai thác các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, Công ty tập trung phát triển mạnh mẽ lĩnh vực kinh doanh du lịch vừa tăng dịch vụ lưu trú cao cấp vừa phát triển thêm nhiều loại hình giải trí mới, nhiều khu du lịch sinh thái “Xanh” với nhiều hình thức giải trí hấp dẫn. Tăng cường chọn lọc và đào tạo nhân sự ngành du lịch cho Công ty kể cả đào tạo ở nước ngoài.- Thành lập bộ phận quản lý và phát triển các dự án đầu tư phù hợp với qui mô của từng giai đoạn.

- Thành lập đại lý dịch vụ chứng khoán cho các Công ty chứng khoán và các ngân hàng, trong giai đoạn đầu tổ này do Phòng Tài chính kế toán trực tiếp quản lý;
- Hoàn chỉnh bộ máy làm việc của Văn phòng Công ty tại Sài Gòn;
- Tổ chức lại các đơn vị thi công theo hướng chuyên nghiệp, mở rộng quyền hạn điều hành cùng với việc nâng cao trách nhiệm của người trực tiếp quản lý. Trước mắt thành lập và hoạt động thí điểm mô hình xí nghiệp xây lắp thủy điện, phục vụ cho việc thực hiện các khối lượng thi công thủy điện Sông Chò.
- Nâng hạn mức vốn vay ngân hàng lên 75.000.000.000 đồng, đáp ứng đủ nhu cầu về vốn lưu động cho hoạt động xây lắp.

.....

IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính và Kiểm toán (AASCs) tiến hành kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán, chuẩn mực kế toán và chuẩn mực kiểm toán Việt nam gồm:

- Báo cáo tài chính năm 2007 (Có phụ lục đính kèm Công bố đồng thời cùng với Báo cáo thường niên))

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 (Công bố đồng thời cùng với Báo cáo thường niên)(Có phụ lục đính kèm)

Mẫu CBTT-03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 9

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2007

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	31.723.922.040	42.148.538.903
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		4.805.652.386	1.841.690.912
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		7.378.303.183	26.383.974.000
4	Hàng tồn kho		13.922.453.871	11.243.279.545
5	Tài sản ngắn hạn khác		5.617.512.600	2.679.594.446
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	35.340.111.241	50.057.605.647
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		34.512.464.600	34.748.253.442
	- Tài sản cố định hữu hình		14.926.243.964	16.554.103.442
	- Tài sản cố định vô hình		18.194.150.000	18.194.150.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính			
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.392.070.636	
3	Bất động sản đầu tư			
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		515.000.000	15.212.196.800
5	Tài sản dài hạn khác		312.646.641	97.155.405
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	<u>67.064.033.281</u>	<u>92.206.144.550</u>
IV	Nợ phải trả	Đồng	48.252.719.257	55.501.828.513
1	Nợ ngắn hạn		25.372.762.985	42.946.813.789
2	Nợ dài hạn		22.879.956.272	12.555.014.724
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	18.811.314.024	36.704.316.037
1	Vốn chủ sở hữu		18.923.910.987	36.641.797.950
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		14.459.600.000	31.000.000.000

	- Thặng dư vốn cổ phần			275.000.000
	- Cổ phiếu quỹ			
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
	- Quỹ đầu tư phát triển	1.284.942.479		908.080.076
	- Quỹ dự phòng tài chính	110.702.448		267.071.043
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			17.709.328
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.068.666.060		4.173.937.503
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB			
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	(112.596.963)		62.518.087
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(112.596.963)		62.518.087
	- Nguồn kinh phí			
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	<u>67.064.033.281</u>	<u>92.206.144.550</u>

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	53.296.153.947	46.067.790.885
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.296.153.947	46.067.790.885
4	Giá vốn hàng bán		37.570.142.265	36.083.448.869
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.726.011.682	9.984.342.016
6	Doanh thu hoạt động tài chính		102.883.222	76.239.035
7	Chi phí tài chính		5.021.591.012	4.583.055.422
8	Chi phí bán hàng		184.943.796	63.530.995

9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.466.018.897	2.670.461.902
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		6.156.341.199	2.743.532.732
11	Thu nhập khác		22.022.981	1.658.203.491
12	Chi phí khác		263.165.280	71.344.704
13	Lợi nhuận khác		(241.142.299)	1.586.858.787
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.915.198.900	4.330.391.519
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.645.895.692	1.197.669.625
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.269.303.208	3.132.721.894
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.476	2.452
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu			

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài ngắn hạn/ Tổng tài sản	%		
	- Tài dài hạn/Tổng tài sản	%		
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%		
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%		
	- Lợi ích của cổ đông thiểu số/Tổng nguồn vốn	%		
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần		
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần		
4	Tỷ suất sinh lời			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%		

	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%		
5	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		
6	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trên vốn chủ sở hữu	%		

Mẫu CBTT-03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 9

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Năm 2007

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	Đồng	31.723.922.040	57.016.390.396
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		4.805.652.386	2.752.492.183
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		7.378.303.183	40.333.774.000
4	Hàng tồn kho		13.922.453.871	11.243.279.545
5	Tài sản ngắn hạn khác		5.617.512.600	2.686.844.668
II.	Tài sản dài hạn	Đồng	35.340.111.241	35.189.754.154
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		34.512.464.600	34.845.251.500

	- Tài sản cố định hữu hình		14.926.243.964	16.554.103.442
	- Tài sản cố định vô hình		18.194.150.000	18.194.150.000
	- Tài sản cố định thuê tài chính			
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.392.070.636	96.998.058
3	Bất động sản đầu tư			
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		515.000.000	32.000.000
5	Tài sản dài hạn khác		312.646.641	312.502.654
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Đồng	<u>67.064.033.281</u>	<u>92.206.144.550</u>
IV	Nợ phải trả	Đồng	<u>48.252.719.257</u>	<u>55.501.828.513</u>
1	Nợ ngắn hạn		25.372.762.985	42.946.813.789
2	Nợ dài hạn		22.879.956.272	12.555.014.724
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	Đồng	<u>18.811.314.024</u>	<u>36.704.316.037</u>
1	Vốn chủ sở hữu		18.923.910.987	36.641.797.950
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		14.459.600.000	31.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần			275.000.000
	- Cổ phiếu quỹ			
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
	- Quỹ đầu tư phát triển		1.284.942.479	908.080.076
	- Quỹ dự phòng tài chính		110.702.448	267.071.043
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			17.709.328
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.068.666.060	4.173.937.503
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB			
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		(112.596.963)	62.518.087
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		(112.596.963)	62.518.087
	- Nguồn kinh phí			

	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Đồng	<u>67.064.033.281</u>	<u>92.206.144.550</u>

II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	53.296.153.947	46.067.790.885
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.296.153.947	46.067.790.885
4	Giá vốn hàng bán		37.570.142.265	36.083.448.869
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.726.011.682	9.984.342.016
6	Doanh thu hoạt động tài chính		102.883.222	76.239.035
7	Chi phí tài chính		5.021.591.012	4.583.055.422
8	Chi phí bán hàng		184.943.796	63.530.995
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.466.018.897	2.670.461.902
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		6.156.341.199	2.743.532.732
11	Thu nhập khác		22.022.981	1.658.203.491
12	Chi phí khác		263.165.280	71.344.704
13	Lợi nhuận khác		(241.142.299)	1.586.858.787
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.915.198.900	4.330.391.519
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.645.895.692	1.197.669.625
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.269.303.208	3.132.721.894
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.476	2.452
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu			

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm trước	Năm nay
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài ngắn hạn/ Tổng tài sản	%		
	- Tài dài hạn/Tổng tài sản	%		
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%		
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%		
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần		
4	Tỷ suất sinh lời			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%		
5	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%		
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

Báo cáo tài chính phản ánh trung thực các số liệu tài chính trong năm 2007 và được cơ quan kiểm toán thẩm định không có chỉnh sửa gì.

. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

- Ý kiến kiểm toán độc lập : Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả kinh doanh, cũng như luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: Công ty nắm giữ 75% vốn cổ phần của Công Ty Cổ Phần Du lịch Xanh Nha Trang (VNECO 9 nắm giữ 75% vốn cổ phần).

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

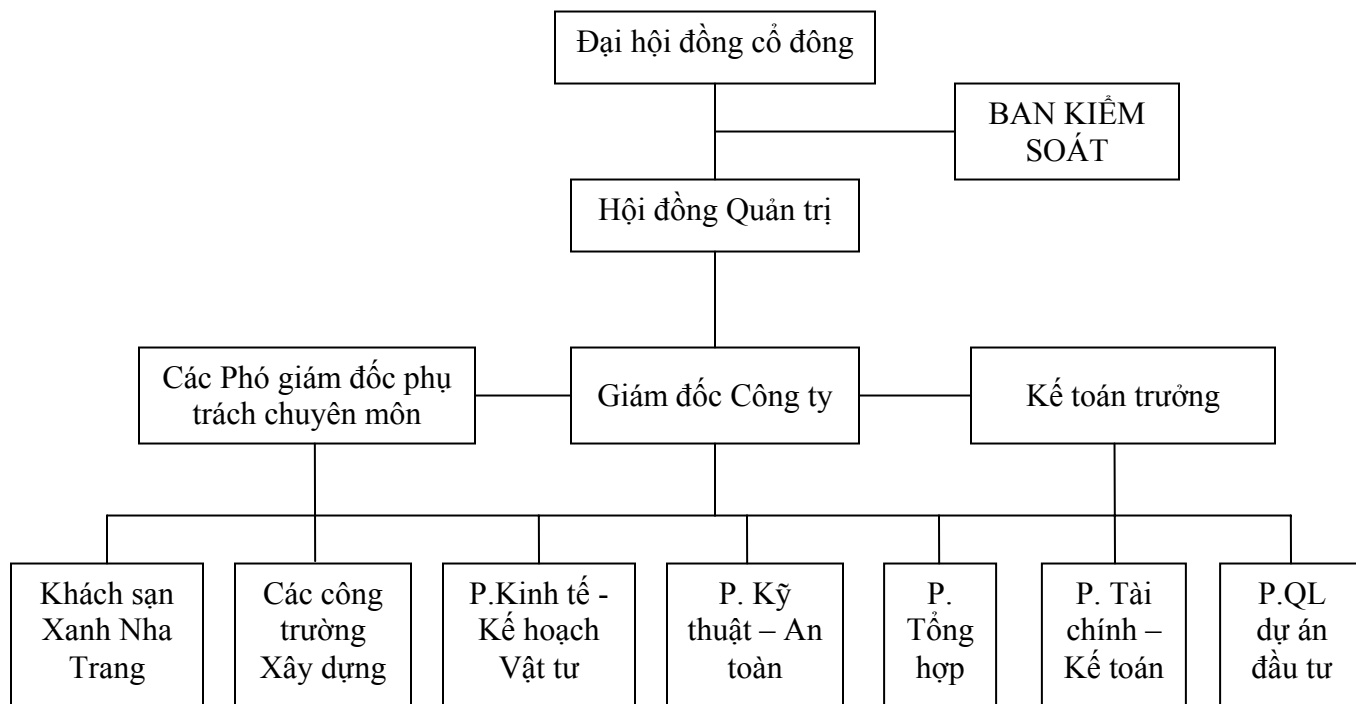
-+ VNECO 9 đầu tư 12.000.000.000 đồng Công ty nắm giữ 30% vốn cổ phần của vào Công ty cổ phần Thủy Điện Sông Chò, tỷ lệ nắm giữ 30%.

Công ty cổ phần Du Lịch Xanh Nha Trang và Công ty cổ phần Thủy Điện Sông Chò đã làm xong các thủ tục giao đất và thuê đất với UBND tỉnh Khánh Hoà, đang thẩm định thiết kế và tổng dự toán, đã được Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn tỉnh Khánh Hoà và Ngân hàng phát triển Khánh Hoà thẩm định hồ sơ và cam kết tài trợ .

Đã đền bù giải phóng mặt bằng công trình.

VII. Tổ chức và nhân sự ::

1-Cơ cấu tổ chức ::



2-Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Giám đốc ::

1/ Ông Nguyễn Văn Dục

Giám đốc

- Ngày sinh: 7/7/1947
- Số CMND: 225088342 do CA Khánh Hòa cấp ngày 11/11/2005
- Địa chỉ thường trú: 32D3 Hàn Thuyên, P.Xương Huân, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

2/ Ông Thái Bá Tuấn Phó giám đốc

- Ngày sinh: 2/8/1961
- Số CMND: 200726352 241114496 do CA Quảng NamĐắc Lắc cấp ngày 27/12/197922/08/2006
- Địa chỉ thường trú: Xã Diên Hòa, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

3/ Ông Phạm Trung Lân Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 19/6/1960
- Số CMND: 225375761 do CA Khánh Hòa cấp ngày 11/11/2005
- Địa chỉ thường trú: 166 Mê Linh, P.Tân Lập, Tp Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Ban Giám đốc được trả lương theo quy chế trả lương của Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn. Khi điều hành Công ty hoàn thành tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra thì được thưởng tùy theo mức độ thực hiện.

- Tổng số CBNV Công ty có 268 người, làm việc tại Văn phòng Công ty, Khách sạn Xanh Nha Trang và các công trường; điều kiện làm việc được đảm bảo an toàn và ổn định; chế độ lương theo quy chế tiền lương của HĐQT Công ty phê chuẩn và Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, bảo hộ lao động ... theo quy định của pháp luật hiện hành.

VIII/ Thông tin cổ đông ::

1- Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát ::

1.1- Hội đồng quản trị :: có 05 thành viên

Cơ cấu như sau :: 01 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty và 04 thành viên, trong đó có 01 thành viên giữ chức vụ Phó giám đốc.

Hiện nay có 032 thành viên tham gia điều hành, 032 thành viên không tham gia điều hành Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo một mảng hoạt động: sản xuất, kỹ thuật, đầu

tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp.

Các thành viên HĐQT đa số đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và đào tạo về quản trị Công ty.

1.2-Ban kiểm soát :: có 03 thành viên

Cơ cấu như sau :: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên. Hiện nay cả 03 thành viên đang công tác tại Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp.

Các thành viên Ban kiểm soát đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và chuyên sâu.

2-Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2007 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Hà Nội).

IX. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

STT	Cơ cấu cổ đông	Địa chỉ	Giá trị (1.000đ)	Tỷ lệ (%)
	Tổng vốn chủ sở hữu		31.000.000	
I.	Cổ đông sáng lập		15.583.990	50,27
	Tổng Cty CP Xây dựng điện VN	223 Trần Phú, Q.Hải Châu,Tp Đà Nẵng	7.562.100	24,40
	Nguyễn Văn Dục	32D3 Hàn Thuyên,Tp Nha Trang	5.066.540	16,34
	Phạm Trung Lân	166 Mê Linh,Tp Nha Trang	1.550.000	5,0
	Thái Bá Tuấn	Xã Điện Hòa, Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	1.141.550	3,68
	Lưu Văn Kịch	18 Đường số 3, P.Vĩnh Nguyên, Tp Nha Trang	146.200	0,47
	Nguyễn Văn Cải	Thôn An Phú,Xã An Thịnh,	117.600	0,38

		H.Lương Tài, Bắc Ninh		
II.	Cổ đông phổ thông khác		15.416.010	49,73
	Cổ đông Nhà nước		0	0
	Cổ đông CBCNV		14.368.8725.668. 970	46,35%
	Cổ đông bên ngoài		9.747.0401.047.1 38	3,38%
III.	Tổng cộng		31.000.000	100
	Cổ đông trong nước		31.000.000	100
	Cổ đông nước ngoài			
IV.	Tổng cộng		31.000.000	100
	Cổ đông đặc biệt			
	- Cổ đông HĐQT		8.021.890	25,86
	- Ban kiểm soát		245.090	0,80
	Cổ đông tổ chức	Tổng Cty CP Xây dựng điện VN	7.562.100	24,40
	Cổ đông cá nhân		15.170.920	48,94
V.	Tổng cộng		31.000.000	100

CƠ CẤU TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TRÊN 5% VỐN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CP	Tỷ lệ %	GHI CHÚ
1	Tổng Cty CP Xây dựng Điện VN	223 Trần Phú – TP Đà Nẵng	756.210	24,4803	
2	Nguyễn Văn Duyệt	Căn hộ số A15.06 Chung cư Đất Phương Nam, đường Chu Văn An, Q. Bình Thạnh, T.p HCM	506.654	16,3459	
3	Phạm Trung Lân	166 Mê Linh Nha Trang – Khánh Hoà	155.000	5,0033	

4	Nguyễn Chí Linh	197 Tây Sơn – P Trung Liet – Q Đông Đa – Hà Nội	460.950	14,865,14	
	TỔNG CỘNG		1.878.814	60,6 %	